

MÔI TRƯỜNG AN NINH ĐÔNG Á NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

NGUYỄN THU MỸ*

Hiện nay, các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, đang nỗ lực phấn đấu nhằm hiện thực hoá Tầm nhìn ASEAN năm 2020 về một cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á gắn bó với nhau bằng quan hệ đối tác trong phát triển năng động, một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau.

Liệu ASEAN có thể đạt được mục tiêu đó hay không, không chỉ tùy thuộc vào những nỗ lực của họ mà còn phụ thuộc vào những biến đổi trong môi trường an ninh khu vực. Nếu hoà bình và ổn định ở Đông Á được giữ vững, công cuộc xây dựng Cộng đồng ASEAN của các nước Đông Nam Á sẽ phát triển thuận lợi. Ngược lại, nếu môi trường an ninh trong khu vực bị phá vỡ, không những ASEAN không thể hiện thực hoá được tầm nhìn trên mà Đông Nam Á, một lần nữa, lại có nguy cơ bị cuốn vào vòng xoáy chiến tranh và xung đột như những thập niên 90 thế kỷ XX trở về trước.

Do tầm quan trọng trên của môi trường an ninh khu vực đối với hoà bình và phát triển ở Đông Á, việc nghiên cứu các nhân

tố đang tác động vào môi trường này thật sự là công việc cần thiết và cấp bách. Bài viết này sẽ góp phần thực hiện công việc quan trọng trên.

1. Các nhân tố tác động tới môi trường an ninh Đông Á

Hiện nay hoà bình và an ninh khu vực ở Đông Á vẫn được giữ vững. Tuy nhiên, có rất nhiều nhân tố đang tác động tới môi trường an ninh ở khu vực này và đe dọa phá vỡ nó, nếu các nước trong vùng không có những biện pháp tốt để quản lý chúng. Sau đây là những nhân tố chính:

1.1. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và tác động của sự trỗi dậy đó về phương diện an ninh

Sau 26 năm thực hiện cải cách mở cửa, GDP của Trung Quốc tăng trung bình 9,4 % gấp 4 lần mức tăng trưởng của các nước phát triển, gấp 3 lần của thế giới và 2 lần của các nước đang phát triển. Nếu vào năm 1978, GDP của Trung Quốc mới chỉ đạt mức 147,3 tỷ đô la Mỹ thì tới năm

* PGS, TS Nguyễn Thu Mỹ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

2004, con số đó đã lên tới 1.640 tỷ đô la Mỹ, tăng gấp 11 lần⁽¹⁾. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Trung Quốc trở thành một đầu tàu khác của thế giới sau Mỹ. Năm 2004, nếu tính theo tỷ giá hối đoái trên thị trường, GDP của Trung Quốc chiếm 4,1% tổng giá trị sản lượng toàn cầu, còn nếu đánh giá dựa theo sức mua thì phần của Trung Quốc trong GDP toàn cầu đã vượt mức 13%. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, trong 4 năm từ 2000 tới 2003, công hiến của sự tăng trưởng kinh tế Trung Quốc vào tăng trưởng kinh tế thế giới đã lên tới 1/3, trong khi đó của Mỹ là 13%. Sự phát triển kinh tế Trung Quốc làm sôi động thị trường thế giới. Kim ngạch mậu dịch của Trung Quốc từ 20,6 tỷ năm 1978 lên tới 1.154,79USD năm 2004, tăng bình quân 16,8%. Trung Quốc đã trở thành đối tác mậu dịch lớn thứ ba trên thế giới⁽²⁾. Hiện nay Trung Quốc đang sở hữu 5 trong số 20 cảng hàng đầu thế giới⁽³⁾. Tới tháng 7/2006, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã lên tới 954,5 tỷ đô la Mỹ, đứng thứ nhất trên thế giới⁽⁴⁾.

Sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc, không nghi ngờ gì, đang tác động tích cực tới sự phát triển của Đông Á nói riêng và thế giới nói chung. Về phương diện an ninh, sự trỗi dậy đó có hai tác động tiêu cực sau đối với môi trường an ninh Đông Á:

Một là, tạo thêm cơ hội cho Mỹ trở lại Đông Nam Á về phương diện quân sự. Như chúng ta đã biết, sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt và nhất là sau khi Liên Xô tan rã (1991), Mỹ đã điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu của họ. Trong chiến lược toàn cầu mới này, vị trí của Đông Nam Á đã không còn quan trọng

như trong thời kỳ chiến tranh lạnh nữa. Do vậy, năm 1992, Hoa Kỳ đã quyết định rút quân ra khỏi các căn cứ của họ trên lãnh thổ Philippin. Cùng với việc giảm cam kết an ninh, sự giúp đỡ về kinh tế, quốc phòng của Mỹ cho các nước ASEAN đã bị giảm xuống.

Cũng như Mỹ, sau khi trở thành người thừa kế của Liên bang Xô Viết, Nga cũng điều chỉnh chính sách toàn cầu và khu vực của họ. Một trong những kết quả của sự điều chỉnh đó là việc Nga rút các lực lượng quân sự khỏi bán đảo Đông Dương. Việc Mỹ và Nga rút khỏi Đông Nam Á về quân sự đã tạo nên "một khoảng trống quyền lực" ở vùng này. Các cường quốc khác, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản, đã nhìn thấy đây là cơ hội vàng để tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á, nơi trước đây Hoa Kỳ luôn chiếm được ưu thế.

Để giành được ảnh hưởng ưu thế ở Đông Nam Á, các cường quốc trên đã áp dụng những cách tiếp cận khác nhau. Trong khi Nhật Bản tiếp tục sử dụng con bài kinh tế kết hợp với tăng cường vai trò chính trị trong khu vực, thì EU nỗ lực làm sống lại các quan hệ lịch sử văn hoá với các quốc gia trong vùng kết hợp với việc sử dụng các quan hệ kinh tế với ASEAN.

Về phần mình, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đi theo cách tiếp cận hoàn toàn khác. Cách tiếp cận này được xây dựng trên cơ sở phân tích một cách kỹ lưỡng những lợi thế và bất lợi thế của Trung Quốc ở Đông Nam Á so với các cường quốc khác. Xét về tiềm lực kinh tế, Trung Quốc không thể so sánh với Nhật Bản và EU. Do vậy, họ không thể cung

cấp ODA và FDI nhiều cho khu vực ASEAN. Kinh tế ASEAN và kinh tế Trung Quốc là các nền kinh tế cạnh tranh nhau. Vì thế, Trung Quốc cũng không thể cung cấp cho ASEAN thị trường lớn như EU, Mỹ và Nhật Bản.

Mặc dù các nước Đông Nam Á vẫn bị ám ảnh bởi quá khứ xâm lược của Nhật Bản trong những năm Đại chiến thế giới lần thứ hai, nhưng những nghi ngờ đối với Trung Quốc còn lớn hơn. Ngoài ra, sự có mặt đông đảo của người Hoa thân Bắc Kinh ở tất cả các nước Đông Nam Á cũng khiến họ lo ngại. Lợi thế duy nhất mà Trung Quốc có được chỉ là sự gần gũi về địa lý, lịch sử, văn hoá và mong muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc mà ASEAN và các thành viên của nó đang theo đuổi.

Với những lợi thế và bất lợi thế như vậy, để chiến thắng trong cuộc chạy đua vào Đông Nam Á, Bắc Kinh đã áp dụng một cách tiếp cận rất khôn ngoan. Cách tiếp cận đó bao gồm mấy điểm sau:

- Ủng hộ vô điều kiện các sáng kiến hợp tác khu vực của ASEAN (EAEC, ARF, ASEM) và vai trò lãnh đạo của ASEAN trong các tổ chức đó.

- Tăng cường tiếp xúc cấp cao, tiếp xúc giữa các xã hội dân sự, thúc đẩy du lịch hai chiều.

- Thiết lập các quan hệ hợp tác trên cơ sở cùng có lợi bắt đầu trong lĩnh vực kinh tế và khoa học - công nghệ

Cách tiếp cận trên đã giúp Trung Quốc từng bước xây dựng được lòng tin với ASEAN nói chung và các nước thành viên của nó nói riêng.

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở

Đông Nam Á 1997- 1998 đã tạo cơ hội thuận lợi cho Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng trong khu vực. Mặc dù không thể đóng góp nhiều về tài chính vào các chương trình tài trợ của IMF, ADB và Quỹ Tín thác ASEM, nhưng Trung Quốc đã giúp đỡ rất hiệu quả cho các nước ASEAN đang chịu ảnh hưởng của khủng hoảng, bằng cách không phá giá đồng Nhân dân tệ. Việc giữ giá đồng Nhân dân tệ đã giúp phanh lại sự trượt dốc sâu hơn của các nền kinh tế ASEAN.

Trong bối cảnh Mỹ, Liên minh châu Âu không có hoạt động riêng nào để giúp đỡ ASEAN khắc phục khủng hoảng, hành động này của Trung Quốc đã chinh phục được nhân tâm các nhà lãnh đạo Đông Nam Á khiến họ thay đổi cách nhìn về Trung Quốc. Đối với họ, Trung Quốc là một cường quốc có tinh thần xây dựng. Chính nhận thức này đã tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ ASEAN - Trung Quốc phát triển rất nhanh trong thời gian qua.

Từ đối tác tham khảo của ASEAN vào năm 1993, Trung Quốc đã trở thành đối tác đối thoại của Hiệp hội này vào năm 1997. Vị trí đó cho phép Trung Quốc tham gia vào tất cả các cơ chế hợp tác quốc tế của ASEAN, ngang hàng với tất cả các cường quốc khác. Cùng với ASEAN, Trung Quốc đã trở thành một trong những thành viên sáng lập của ASEM, ASEAN+3, các tiến trình hợp tác liên khu vực và khu vực không có sự tham gia của Mỹ. Những động thái trên cho thấy trong các sáng kiến hợp tác quốc tế của mình, ASEAN có thể không cần tới sự ủng hộ của Mỹ, nhưng không thể thiếu sự ủng hộ của

Trung Quốc. Đây là điều Oasinhton không bao giờ muốn chấp nhận.

Hơn nữa, nếu Bắc Kinh thành công trong việc biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng riêng của họ, thì với cường lực kinh tế, quân sự ngày càng lớn, Trung Quốc sẽ có vị thế ngang ngửa với các cường quốc khác, kể cả EU, khối chính trị-kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Lúc đó, trật tự thế giới có thể sẽ thay đổi. Từ trật tự một siêu, đa cường, có thể sẽ trở thành trật tự một siêu, lưỡng cường. Với đà tăng trưởng kinh tế như hiện nay và ảnh hưởng chính trị đang lan rộng ở châu Phi, châu Mỹ La tinh, chắc chắn các nhà lãnh đạo Trung Quốc không chỉ bằng lòng với vị trí đàn em của Mỹ.

Viễn cảnh về một nước Trung Hoa hùng cường sẽ thật sự trở thành mối đe dọa vị thế của Mỹ trong vài thập kỷ tới đã khiến Oasinhton phải lập kế hoạch ngăn chặn khả năng đó, dù có thể trước mắt, họ cần tới sự hợp tác của Trung Quốc trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế và giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Để kiềm chế Trung Quốc, Mỹ đã điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu của họ. Trọng tâm chiến lược của Mỹ được chuyển sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Triển khai chiến lược trên, Mỹ đã tiến hành bố trí lại lực lượng ở lục địa Á - Âu. Tại khu vực Thái Bình Dương, đảo Guam được coi là nòng cốt, Úc là căn cứ chi viện, còn Đông Nam Á làm trọng tâm. Thực hiện chủ trương bố trí chiến lược này, một mặt Mỹ chuyển quân từ vĩ tuyến 38 xuống phía nam bán đảo Triều Tiên và thu nhỏ

lực lượng quân sự Mỹ đóng ở Hàn Quốc và Nhật Bản. Mặt khác, tăng cường lực lượng cơ động trên biển, xây dựng lực lượng không quân tầm xa lấy Guam làm nòng cốt, đồng thời xây dựng căn cứ tổng hợp tại Úc....

Trong chính sách kiềm chế Trung Quốc, vị trí của Đông Nam Á trở nên đặc biệt quan trọng đối với Mỹ.

Về phương diện địa chiến lược, do nằm sát ở phía Nam Trung Quốc, Đông Nam Á có thể cung cấp cho Mỹ một vị trí để bao vây Trung Quốc về phía Nam. Cùng với việc tăng cường sự có mặt về quân sự ở Trung Á, liên minh chặt chẽ hơn với Nhật Bản về quân sự và an ninh, Đông Nam Á có thể giúp Mỹ tạo thành vành đai bao vây Trung Quốc từ phía Tây, xuống phía Nam và sang phía Đông.

Về phương diện địa - kinh tế, mặc dù kinh tế Trung Quốc đang tăng trưởng nhanh và liên tục trong suốt hơn 1/4 thế kỷ qua, nhưng nền công nghiệp của Trung Quốc cho tới nay vẫn chỉ có khả năng sản xuất ra các sản phẩm tập trung lao động và dựa trên tài nguyên là chủ yếu. Do vậy, Trung Quốc rất cần tới nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước Đông Nam Á. Nếu Mỹ thành công trong việc lôi kéo các nước Đông Nam Á, họ có thể can thiệp vào các quan hệ kinh tế của các nước này với Trung Quốc. Trong một diễn tiến như vậy, kinh tế Trung Quốc sẽ gặp khó khăn.

Kinh tế càng tăng trưởng, nhu cầu về năng lượng của Trung Quốc càng lớn⁽⁵⁾. Hiện nay, mỗi ngày có hàng chục tàu chở dầu tới Trung Quốc đi qua eo biển Malacca. Nếu Mỹ không chế được con

đường chở dầu này, kinh tế Trung Quốc sẽ bị lao đao.

Do tầm quan trọng trên của Đông Nam Á, Hoa Kỳ đã quyết định trở lại Đông Nam Á về phương diện quân sự. Dưới danh nghĩa chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, Hoa Kỳ đã đưa quân trở lại Đông Nam Á và khởi động lại các quan hệ quân sự với các đồng minh trong khu vực.

Cạnh tranh Trung - Mỹ về ảnh hưởng và quyền lợi trong khu vực và trên thế giới vẫn sẽ còn tiếp tục và có thể ngày càng gay gắt hơn, tương thích với sự phát triển của Trung Quốc. Mặc dù hiện nay cuộc cạnh tranh đó đang diễn ra một cách hoà bình, nhưng nó đang tác động tiêu cực tới môi trường an ninh khu vực. Một là, cuộc cạnh tranh đó có thể gây nên sự nghi kỵ lẫn nhau giữa Trung Quốc và ASEAN, mặt khác nó làm gia tăng tình trạng li tâm về chính trị trong nội bộ Hiệp hội này. Bởi vì, hiện nay các nước thành viên ASEAN khác nhau về chế độ chính trị, họ rất có thể phải lựa chọn giữa Trung Quốc và Mỹ, khi cuộc cạnh tranh giữa hai nước lớn này phát triển thành xung đột.

Hai là, cung cấp thêm lý do cho cuộc chạy đua vũ trang ở Đông Á hiện nay

Với sức mạnh kinh tế gia tăng, Trung Quốc đã có điều kiện thuận lợi hơn để tăng cường sức mạnh quân sự và hiện đại hoá quốc phòng. Trong mấy năm gần đây, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc ngày càng gia tăng, tương thích với cường lực kinh tế của họ. Nếu vào năm 2005, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc bằng 7,3 % toàn bộ ngân sách quốc gia của nước này, năm 2006 bằng 7,4 %, thì tới

năm 2007, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc chiếm 7,5% toàn bộ ngân sách quốc gia, với giá trị lên tới tới 350,92 tỷ NDT (44,94 tỷ đôla Mỹ) tăng 17,8 % so với năm 2006⁽⁶⁾. Đây là mức chi tiêu cho quốc phòng cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Việc Trung Quốc tăng chi phí quốc phòng đã là một trong những nguyên nhân dẫn tới một cuộc chạy đua vũ trang mới trong khu vực. Mặc dù chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần khẳng định họ sẽ không hướng sức mạnh quân sự vào khu vực, nhưng các nước Đông Á, đặc biệt là Đông Nam Á vẫn chưa yên tâm với những cam kết đó của các nhà lãnh đạo Bắc Kinh, nhất là trong bối cảnh giữa Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á đang tranh chấp lãnh thổ ở quần đảo Trường Sa, nơi được xem là có trữ lượng lớn về dầu mỏ, loại nhiên liệu mà Trung Quốc đang ra sức tìm kiếm hiện nay.

Để đề phòng khả năng Trung Quốc sử dụng sức mạnh quân sự, các nước Đông Á, đặc biệt là các nước ASEAN cũng tăng ngân sách quốc phòng và nỗ lực tìm kiếm các loại vũ khí mới, hiện đại. Thật vậy, Indônêxia đang tìm cách xây dựng phi đội máy bay gồm 12 phi cơ chiến đấu, trong đó có 8 máy bay của Nga, bao gồm SU 27 và SU 30 MKM. Ngoài ra, nước này còn dự kiến mua máy bay C30 và tàu tuần tiểu tốc độ nhanh để tiến hành các biện pháp chống khủng bố, Xingapo mua 12 máy bay chiến đấu 15SG của Mỹ. Malaixia đang có kế hoạch mua 18 máy bay trong 2 năm tới⁽⁷⁾...

Không chỉ tích cực mua sắm vũ khí, các nước Đông Á còn tăng cường hợp tác

quân sự với nhau dưới nhiều hình thức. Đầu năm 2005, Ấn Độ đã tiến hành tập trận chung ở biển Andaman, thu hút sự tham gia của 9 nước châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Indônêxia, Malaixia và Thái Lan.

Tình trạng chạy đua vũ trang ở Đông Á hiện nay đang tác động tiêu cực đến môi trường an ninh khu vực. Nó làm gia tăng sự nghi ngờ lẫn nhau giữa các nước trong vùng và xói mòn những nỗ lực xây dựng lòng tin mà các tiến trình hợp tác song phương (các ASEAN + 1) và đa phương trong khu vực (ASEAN + 3, ARF) đã dày công vun xới trong suốt hơn 10 năm qua.

1.2. Những điểm nóng trong khu vực và tác động của nó tới môi trường an ninh Đông Á

1.2.1 Cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên

Nhân tố nguy hiểm dễ nhận thấy nhất là cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên đã hai lần gây nên khủng hoảng hạt nhân ở Đông Bắc Á. Cuộc khủng hoảng hạt nhân lần thứ nhất bùng nổ từ năm 1990, khi Mỹ phát hiện thấy Bắc Triều Tiên có dấu hiệu đang phát triển vũ khí hạt nhân thông qua các ảnh chụp từ vệ tinh trinh sát. Do nỗ lực của Mỹ và thiện chí giải quyết vấn đề của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, cuộc khủng hoảng trên đã được giải quyết với việc ký Hiệp định Khung Geneve 1994.

Cuộc khủng hoảng hạt nhân hiện nay là cuộc khủng hoảng lần thứ hai. Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự bùng phát cuộc khủng hoảng lần này là do Mỹ cáo buộc

Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tiếp tục phát triển chương trình hạt nhân, vi phạm Hiệp định Khung năm 1994. Với lý do như vậy, ngày 14/11/2002, Hoa Kỳ đã tuyên bố ngừng cung cấp dầu nặng cho Bắc Triều Tiên. Đáp lại, Bắc Triều Tiên quyết định khởi động lại chương trình hạt nhân của họ.

Cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên đã tác động xấu đến môi trường an ninh quốc tế nói chung, an ninh Đông Á nói riêng. Đối với khu vực, cuộc khủng hoảng đó tạo nên tình trạng căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên, phá vỡ những cố gắng hoà giải giữa hai miền Nam - Bắc Triều Tiên. Do cuộc khủng hoảng này, Mỹ đã có thêm lý do để tăng cường sự hiện diện quân sự ở Đông Bắc Á, thắt chặt quan hệ an ninh với Nhật Bản, Hàn Quốc. Nguy cơ bùng nổ hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên cũng gây nên những quan ngại về an ninh cho Trung Quốc và Nga, những nước có lợi ích an ninh sống còn ở Đông Bắc Á.

Để khắc phục cuộc khủng hoảng trên, trong những năm qua, cộng đồng thế giới nói chung và những nước có lợi ích an ninh trực tiếp ở Đông Bắc Á nói riêng đã nỗ lực tìm kiếm giải pháp cho nó. Sau thất bại của Vòng đàm phán 3 bên⁽⁸⁾, Vòng đàm phán 6 bên (hai miền Triều Tiên, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Nga) đã được tổ chức, theo sáng kiến của Trung Quốc⁽⁹⁾. Cho tới nay, đã có 4 vòng đàm phán 6 bên được tổ chức tại Bắc Kinh⁽¹⁰⁾.

Vòng đàm phán 6 bên gần đây nhất là vòng thứ 5. Vòng đàm phán này cũng được tổ chức ở Bắc Kinh vào đầu tháng 2 vừa

qua. Các kết quả của vòng đàm phán đó được phản ánh trong Tuyên bố chung ký ngày 13/2/2007. Trong bản tuyên bố đó, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên cam kết đóng cửa và niêm phong cơ sở hạt nhân Yongbyon và mời Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) trở lại Bắc Triều Tiên tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm chứng cần thiết. Đổi lại, các bên tham gia đàm phán cam kết hợp tác để cung cấp cho Bắc Triều Tiên viện trợ kinh tế, năng lượng và nhân đạo. Trước mắt, sẽ có đợt viện trợ năng lượng khẩn cấp. Trong đợt viện trợ khẩn cấp đầu tiên, Bắc Triều Tiên sẽ nhận được số lượng tương đương 50.000 tấn dầu nặng. Số dầu này sẽ được giao trong vòng 60 ngày.

Sau khi Tuyên bố chung được ký kết, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đã tuyên bố tạm thời đóng cửa các cơ sở hạt nhân ở Yongbyon, đúng như cam kết. Tuyên bố này mở ra hy vọng thúc đẩy các hoạt động tiếp theo nhằm tiến tới mục tiêu phi hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên mà các bên có liên quan trực tiếp và cộng đồng thế giới đang mong đợi.

Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện Tuyên bố chung 13/2 đang trở nên khó khăn. Tháng 6/2005, Bộ Tài chính Mỹ cáo buộc Ngân hàng Bancro Delta Asia ở Macao có liên quan tới các hoạt động rửa tiền nghiêm trọng và buộc chính quyền Macao phong toả một số tài khoản, trong đó cả các tài khoản trị giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ của Bắc Triều Tiên. Trước tình hình đó, Bắc Triều Tiên đã từ chối đàm phán các khía cạnh của Tuyên bố chung 13/2/2007 cho tới khi 25 triệu đô la được trả lại cho Bắc Triều Tiên. Để tháo

gỡ bế tắc, các bên đã đi tới thoả thuận rằng số tiền 25 triệu đô la Mỹ trên sẽ được chuyển vào Ngân hàng Trung Quốc, sau đó sẽ được chuyển lại cho Bình Nhưỡng. Tuy nhiên, Ngân hàng Trung Quốc lại từ chối cho phép chuyển tiền vào Ngân hàng của họ. Lý do chưa nhận được khoản tiền trên, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đã không đóng cửa căn cứ hạt nhân Yongbyon vào ngày 14/4/2007 như thoả thuận. Ngược lại, họ cũng chưa nhận được tấn dầu nặng nào từ phía các bên ký kết khác.

Việc giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, một lần nữa lại rơi vào bế tắc. Khó khăn trong việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề hạt nhân ở Bắc Triều Tiên là ở chỗ vấn đề này hàm chứa trong đó những lợi ích khác nhau của các bên liên quan. Trong khi Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Hàn Quốc đều có lợi ích chung trong việc phi hạt nhân hoá bán đảo Triều Tiên thì họ lại rất khác nhau trong cách tiếp cận đối với chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên hiện nay. Đối với Nhật Bản và Mỹ, sự sụp đổ của chính quyền Bình Nhưỡng là điều đáng mong muốn nhất. Do vậy, trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên, hai nước này luôn nghĩ tới những biện pháp gây sức ép và đe dọa lật đổ. Ngược lại, đối với Hàn Quốc, Trung Quốc và Nga, sự rối loạn ở Bắc Triều Tiên có thể là thảm hoạ. Ngoài việc phải đối phó với khả năng Bình Nhưỡng sẽ phải dùng tới vũ khí hạt nhân để tự bảo vệ mình, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nga còn có thể phải gánh chịu dòng người di cư ồ ạt từ Bắc Triều Tiên vào lãnh thổ của họ. Để tránh

một sự phát triển như vậy, trong khi kiên trì mục tiêu cuối cùng là phi hạt nhân hoá bán đảo Triều Tiên thông qua đàm phán hoà bình, ba nước trên đều muốn có những nhân nhượng nhất định đối với những yêu cầu mà họ cho là thoả đáng của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Bên cạnh những lợi ích chung trên với Hàn Quốc, Trung Quốc và Nga còn có những toan tính khác, khi tham gia vào tiến trình đàm phán 6 bên. Đối với Trung Quốc, thông qua Đàm phán 6 bên, Trung Quốc đã nâng cao được vị thế chính trị của họ ở Đông Bắc Á. Hiện nay, các bên tham gia đàm phán đều phải chấp nhận sự lãnh đạo của Trung Quốc trong tiến trình này. Để có được sự ủng hộ của Trung Quốc đối với những nỗ lực của họ trong việc khắc phục cuộc khủng hoảng hạt nhân, Hoa Kỳ cũng sẽ phải nhượng bộ Trung Quốc trong một số vấn đề nào đó.

Cuộc khủng hoảng hạt nhân kéo dài trên bán đảo Triều Tiên cũng đưa lại lợi ích cho Nga. Do vấn đề này, sức ép của NATO đối với Nga từ phía Tây sẽ có thể được giảm bớt.

Về phía Bắc Triều Tiên, cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên giúp cho họ có trong tay một con bài giá trị để mà cả với các nước lớn, đặc biệt là Mỹ. Có lẽ vì thế, họ cũng chưa thấy thật cần thiết phải sớm giải quyết cuộc khủng hoảng do chính họ gây ra.

Những khác biệt trong tính toán chiến lược trên của các bên tham gia Đàm phán 6 bên đã khiến cho vấn đề này trở nên rất khó giải quyết. Chừng nào, cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên

còn chưa được khắc phục, hoà bình và an ninh ở Đông Bắc Á nói riêng, Đông Á nói chung còn tiếp tục bị đe doạ.

1.2.3. Vấn đề Đài Loan

Trong mấy năm gần đây, chính quyền Đài Loan do Đảng Dân tiến (MPP) lãnh đạo đang chủ trương tách khỏi Trung Quốc, biến hòn đảo này thành một quốc gia riêng. Tham vọng trên của Đài Loan đang đi ngược lại chủ trương thống nhất đất nước của CHND Trung Hoa.

Để thực hiện được mục tiêu “độc lập”, một mặt chính quyền Đài Bắc tìm cách kích động tình cảm thù ghét Trung Quốc Đại lục, mặt khác họ ra sức tìm kiếm sự ủng hộ của các thế lực bên ngoài, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản. Chủ trương li khai của Đài Bắc là phù hợp với lợi ích của hai nước trên. Bởi vì, nếu Đài Loan độc lập, Nhật Bản có thể biến hòn đảo này thành vùng đệm lâu dài giữa họ và Trung Quốc. Hơn nữa, do những quan hệ gần gũi trong quá khứ, Tôkyô tin rằng ảnh hưởng của Nhật ở đây sẽ tăng lên, một khi Đài Loan vĩnh viễn tách khỏi Trung Hoa Đại lục. Vì thế, “ở một ý nghĩa nào đó, sự chú ý của Nhật Bản đối với Đài Loan không thua kém Mỹ”⁽¹¹⁾. Nhật xem Đài Loan là con đường sống còn của Nhật, nên sự xung đột lợi ích giữa Nhật Bản và Trung Quốc, thậm chí còn lớn hơn cả Mỹ”⁽¹²⁾.

Về phần mình, mặc dù thi hành chính sách “Một Trung Quốc”, nhưng Oasinhton luôn luôn tìm cách kiềm chế Bắc Kinh thông qua nhiều biện pháp, đặc biệt là vấn đề Đài Loan. Do không thể công khai ủng hộ ý định tuyên bố độc lập của Trần Thủy Biển, Oasinhton đã ngầm hỗ trợ cho

ông ta trong việc thực thi kế hoạch này. Tháng 2/2005, Mỹ và Nhật công khai tuyên bố "quan điểm xem vấn đề eo biển Đài Loan là mối "lo ngại về chiến lược chung" Ngày 19/2/2005, hai bên tiến hành họp chéo 2+2 giữa Bộ trưởng Ngoại giao Rice, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Rumsfeld, với Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Nobutaka Machimura và Cục trưởng Cục Phòng vệ Yosinori Ono để thảo luận về vấn đề an ninh của hai nước. Trong Tuyên bố chung đưa ra sau cuộc gặp, hai bên đã liệt kê 12 mục tiêu chiến lược chung. Đài Loan là 1 trong 12 mục tiêu đó⁽¹³⁾.

Những hành động trên của Nhật Bản và Mỹ đang khuyến khích khuynh hướng li khai của Đài Bắc. Nếu chính quyền vùng lãnh thổ này khẳng định thực hiện tham vọng trên của họ, Trung Quốc sẽ phản ứng mạnh. Trong một diễn biến như vậy, môi trường an ninh ở Đông Bắc Á sẽ bị phá vỡ.

1.1.2.4. Vấn đề biển Đông

Hiện nay, do những nỗ lực của cả ASEAN và Trung Quốc⁽¹⁴⁾, tình hình xung quanh biển Đông, nơi tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc, Đài Loan và 4 nước Đông Nam Á là Việt Nam, Philippin, Malaixia và Brunây đã tạm thời lắng xuống. Tuy nhiên, nguy cơ xung đột ở vùng biển này vẫn tiếp tục tiềm ẩn. Bởi vì, khu vực này được xem là đang ẩn chứa một lượng dầu mỏ và khí ga khổng lồ, trong khi trên thế giới, tình trạng khan hiếm dầu lửa ngày càng trầm trọng. Theo tờ El Watal xuất bản ở Angiêri: trữ lượng dầu lửa của thế giới đã tăng từ 42 tỷ tấn năm 1960 lên 90 tỷ tấn/năm vào 1975. Tốc

độ này được duy trì tới giữa những năm 1980. Sau khi đạt tới mức 130 tỷ tấn vào năm 1990, trữ lượng dầu mỏ trên thế giới đã không thay đổi nhiều và ổn định ở mức 140 tỷ tấn.

Trong khi nguồn dự trữ dầu mỏ không tăng, thì mức tiêu thụ loại nhiên liệu này lại liên tục gia tăng. Trong thập kỷ 1990-2000, tốc độ tiêu thụ khí đốt tăng 2,2% mỗi năm, mức tiêu thụ dầu lửa tăng 1,8% và tiêu thụ than tăng 1,1%. Tỷ lệ tiêu thụ trung bình tất cả các nhiên liệu trên là 1,7% mỗi năm, mặc dù tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Với tỷ lệ này, thế giới sẽ tiêu thụ mỗi năm khoảng 13 tỷ TEF⁽¹⁵⁾ trong thời gian từ 2020-2050, cao hơn mức hiện nay là 40%. Khối lượng tiêu thụ dầu hiện nay vào khoảng 4 tỷ tấn/năm. Theo ước tính, trong thời gian từ 2006-2020 sẽ đạt mức 5 tỷ tấn, tăng 1,66%⁽¹⁶⁾. Nếu không có thêm những phát hiện mới, thì trong vòng 15 năm nữa, sẽ có hàng chục nước không còn là nước xuất khẩu dầu lửa và trong vòng 20 năm nữa, sẽ chỉ còn 8 nước (chủ yếu là các thành viên chính của OPEC) kiểm soát những giếng còn lại của dầu lửa toàn cầu. Sau khi đưa ra những số liệu trên, tờ El Watal dự báo: tất cả các nguồn dầu trên thế giới sẽ bị cạn kiệt vào năm 2035⁽¹⁷⁾.

Những dự báo tiêu cực trên về sự cạn kiệt nguồn dầu mỏ trên thế giới không chỉ khiến cho giá dầu trên thị trường thế giới liên tục tăng⁽¹⁸⁾, mà còn dẫn tới một cuộc cạnh tranh vô cùng gay gắt nhằm sở hữu nguồn dầu mỏ hoặc nguồn cung cấp loại nhiên liệu chiến lược này. Một trong những nguyên nhân đằng sau cuộc chiến

tranh chống Irắc do Mỹ phát động vào tháng 3 năm 2003 chính là tham vọng sở hữu các mỏ dầu của nước này. Các hoạt động ngoại giao ráo riết của Trung Quốc ở châu Phi và Trung Đông hiện nay cũng được thúc đẩy bởi động cơ tìm kiếm nguồn cung cấp dầu cho nền kinh tế phát triển như vũ bão của họ hiện nay.

Trong bối cảnh khan hiếm dầu lửa của thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng, nguồn dầu mỏ ở biển Đông càng trở nên hấp dẫn hơn bao giờ hết. Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới cảnh báo rằng do thúc bách về dầu mỏ, không loại trừ khả năng xảy ra xung đột vũ trang giữa các quốc gia ở đây để độc chiếm nguồn dầu mỏ.

1.1.3. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng trầm trọng

Thách thức an ninh phi truyền thống dễ nhận thấy nhất đối với môi trường an ninh Đông Á hiện nay là các hoạt động tiếp tục của các lực lượng li khai khủng bố. Mặc dù từ sau cuộc tấn công khủng bố vào Mỹ ngày 11/9/2001 và các cuộc đánh bom vào khu du lịch Ba li Indônêxia (10/2002), nhà ga Madrid (11 tháng 3 năm 2004), các lực lượng khủng bố quốc tế đã không thể tổ chức các hoạt động khủng bố lớn nào trong khu vực, nhưng các hoạt động khủng bố do chúng tiến hành vẫn diễn ra liên tục, đặc biệt là ở miền Nam Thái Lan. Chính sách đàn áp của chính phủ Thái Lan dưới thời cầm quyền của ông Thaksin⁽¹⁹⁾ không những không giải quyết được phong trào li khai của 4 tỉnh miền Nam nước này mà còn làm cho phong trào đó phát triển mạnh mẽ hơn.

Tính tới tháng 12/ 2004, tại 3 tỉnh miền Nam Thái Lan đã diễn ra 325 vụ đốt phá, 77 vụ đặt chất nổ, 22 vụ tấn công vào các cơ quan nhà nước, 477 vụ sát hại có vũ khí làm hơn 500 người chết và 397 người bị thương⁽²⁰⁾.

Các hoạt động khủng bố càng ngày càng diễn ra nhiều hơn⁽²¹⁾. Phạm vi hoạt động đã lan tới tận thủ đô Băng Cốc. Vụ đánh bom ngay trong đêm giao thừa năm 2007 này tuy không gây thiệt hại nhiều về người và của, nhưng đã gây tâm lý kinh hoàng cho nhân dân Thái Lan và tác động xấu tới môi trường đầu tư và ngành công nghiệp du lịch ở nước này.

Tại nước ASEAN khác, hoạt động khủng bố đã ít nhiều dịu đi, nhưng những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh trào lưu li khai và các hoạt động khủng bố vẫn tiếp tục tồn tại.

Ngoài hoạt động khủng bố, môi trường an ninh Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI còn chịu tác động của hàng loạt vấn đề an ninh phi truyền thống khác.

Tình trạng cướp biển, nhất là ở eo Malacca, đang trở thành một thách thức an ninh nghiêm trọng đối với sự đi lại của tàu bè qua eo biển có tầm quan trọng hàng đầu đối với thương mại quốc tế này. Hiện nay, 1/3 buôn bán trên thế giới và 1/2 nguồn cung cấp dầu lửa trên thế giới được vận chuyển qua eo biển này. Khối lượng dầu lửa vận chuyển qua eo Malacca lớn gấp 3 lần khối lượng vận chuyển bằng đường ống qua kênh Xuy-ê/Sumed và lớn gấp 15 lần khối lượng vận chuyển qua kênh đào Panama. 2/3 số dầu chở qua eo biển này được đưa đến Nhật Bản, Hàn

Quốc và Trung Quốc. Theo Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO), nếu vì lý do nào đó, vùng biển này bị đóng lại, toàn bộ khả năng vận chuyển đường biển phụ sẽ phải huy động hết, chi phí vận tải sẽ lập tức tăng lên⁽²²⁾.

Số lượng của cải khổng lồ chở qua eo Malacca đã thu hút sự chú ý của bọn cướp biển. Chỉ trong vòng 10 tháng (từ giữa tháng 5/2004 tới 3/2005) ở vùng biển này đã xảy ra 37 vụ tấn công của cướp biển. Từ sau sự kiện 11/9, mục tiêu của bọn cướp biển không chỉ là cướp của cải mà giết càng nhiều người càng tốt⁽²³⁾.

Một thách thức an ninh phi truyền thống nghiêm trọng khác đang xuất hiện với tần số ngày càng tăng là các dịch bệnh truyền nhiễm. Trong mấy năm gần đây, các nước Đông Á đã phải vật lộn với hết dịch bệnh này tới dịch bệnh khác. Hết SARS, lại đến cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng của bò, lợn và các vật nuôi khác. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, các dịch bệnh trên đã lây lan rất nhanh ra khắp khu vực. Đại dịch cúm gia cầm năm 2004 đã cho thấy điều đó.

Ngoài ra, tình trạng "ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, mất cân bằng sinh thái mà hậu quả của nó là các thảm hoạ thiên nhiên như lốc xoáy, sóng thần, sụt lở đất... là những vấn đề chung mà cả khu vực đang phải đối diện.

2. Một vài nhận xét

Phân tích lại những nhân tố đang tác động tới môi trường an ninh khu vực

trong những năm đầu thế kỷ XXI, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, các thách thức đối với môi trường an ninh Đông Á hiện nay khá đa dạng. Ngoài những thách thức an ninh truyền thống (cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan, chạy đua vũ trang, tranh chấp lãnh thổ, cạnh tranh ảnh hưởng và quyền lợi giữa Trung và Mỹ ở Đông Nam Á...), các thách thức an ninh phi truyền thống (hoạt động li khai, khủng bố, cướp biển, dịch bệnh...) cũng rất nghiêm trọng.

Thứ hai, do những thách thức trên, môi trường an ninh Đông Á hiện nay rất mỏng manh và rất dễ bị tổn thương. Bất kỳ sự phát triển theo hướng tiêu cực nào của một trong những nhân tố trên đều có thể tạo ra sự đe dọa đối với an ninh của khu vực

Thứ ba, so sánh mức độ đe dọa đối với an ninh khu vực nảy sinh từ các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, có thể thấy ở tầm ngắn hạn các mối đe dọa do những thách thức an ninh phi truyền thống tạo ra nguy hiểm hơn. Hiện nay, bạo lực do các lực lượng khủng bố trong và ngoài khu vực gây ra, các dịch bệnh truyền nhiễm đang trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với an ninh và lợi ích kinh tế của tất cả các nước trong vùng.

Các thách thức an ninh truyền thống, hiển nhiên là các mối đe dọa lớn đối với an ninh khu vực. Tuy nhiên, ở giai đoạn trước mắt, các thách thức này chưa thể tạo ra những mối đe dọa trực tiếp đối với an ninh Đông Á.

Khi những thách thức trực tiếp đối với

an ninh Đông Á hiện nay là những vấn đề an ninh phi truyền thống, khả năng hợp tác giữa các nước trong vùng ở lĩnh vực nhạy cảm này đang được gia tăng./.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo Tin Kinh tế, TTXVN phát hành ngày 19/4/2004. Tr.5.
2. Tài liệu trên. Tr.5.
3. Số liệu lấy từ bài viết của Tạp chí Le Nouvel Economiste. Bài đăng trên Tin kinh tế ngày 19/4/2004.
4. Tin Kinh tế 9/9/2006.
5. Năm 2004 nhập 120 triệu tấn dầu, tăng 34,8%. Xem: Tài liệu tham khảo đặc biệt 4/5/2005.
6. Dẫn theo Tin Kinh tế. TTXVN phát hành ngày 6/3/2007. Tr.5
7. Những số liệu về tình trạng mua sắm vũ khí của các nước châu Á, được dẫn theo bài: *Châu Á cuộc chạy đua vũ trang đang diễn ra*. Bài đăng trên: The Times of India, October 7/2006. TTXVN dịch và đăng trên TLTKDB, số ra ngày 14/7/2006.
8. Vòng đàm phán 3 bên (Mỹ, Bắc Triều Tiên, Trung Quốc) lần thứ nhất được tổ chức vào tháng 4 năm 2003 nhưng thất bại.
9. Vòng đàm phán 6 bên lần đầu tiên được tổ chức tại nhà khách Diếu Ngư Đài, Bắc Kinh trong 2 ngày từ 27/08/2006 đến ngày 29/08/2003.
10. Vòng đàm phán 6 bên lần đầu tiên được tổ chức tại nhà khách Diếu Ngư Đài, Bắc Kinh trong 2 ngày từ 27/08/2006 đến ngày 29/08/2003.
11. Tu Xuân Bình: *Chính sách của Mỹ đối với eo biển Đài Loan*. Bài đăng trên Tạp chí "Quan hệ hai bờ" (Trung Quốc). TTXVN dịch và đăng trên Tài liệu tham khảo đặc biệt 8/6/2006). Tr.13.
12. Nhận xét của Tu Xuân Bình: TLtd. Tr.15
13. Xem thêm bài viết trên Tạp chí The Front - Line số ra tháng 4/2005. TTXVN dịch và công bố trên Tài liệu tham khảo đặc biệt số 16/4/2005. Tr.15.
14. Tháng 11/2002, Trung Quốc và các nước ASEAN đã ký tuyên bố chung của các bên liên quan ở Biển Đông. Tháng 3/2005, các tập đoàn dầu khí quốc gia của Trung Quốc, Việt Nam và Philippin đã ký Hiệp định Khảo sát địa chấn hàng hải chung.
15. 1 TEF tương ứng với một khối lượng chất đốt có chứa nhiệt lượng bằng nhiệt lượng của một tấn dầu.
16. Dẫn theo "*Thách thức thế kỷ*". TTXVN dịch và đăng trên: Tin tham khảo chủ nhật. Số ra ngày 17/7/2005. tr.12
17. Dẫn theo "*Thách thức thế kỷ*". TTXVN dịch và đăng trên: Tin tham khảo chủ nhật. Số ra ngày 17/7/2005. tr.17
18. Nếu vào năm 2003, giá dầu mới ở mức lên 28 USD/thùng, thì nay đã có lúc lên tới gần 70 đôla Mỹ/một thùng.
19. Thủ tướng Thaksin cho phép Tư lệnh quân đội Sonthi Boonyaratglin toàn quyền đàn áp cuộc nổi dậy của người Hồi giáo ở Nam Thái Lan. Xem thêm: *Philippin và Thái Lan: Nỗ lực chống lực lượng nội loạn bất thành*. Bài đăng trên Tạp chí "Nhà kinh tế" (Anh). TTXVN dịch và đăng trên TLTKDB 14/7/2006. Tr.8.
20. Những số liệu được sử dụng ở đây được dẫn theo: Phạm Thị Thuý: "*Về cuộc khủng hoảng tôn giáo ở miền Nam Thái Lan. Một số nguyên nhân và tác động*". Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á". Số 3/2007. Tr. 23
21. Chỉ riêng ngày 15/6/2006, các lực lượng nổi dậy đã tiến hành 50 vụ đánh bom.
22. Những số liệu về tình hình vận chuyển hàng hoá qua eo Malacca, dẫn theo bài: "*Eo biển Malacca và hợp tác chống cướp biển*". Bài viết đăng trên "Pacific Forum" March, 17/2005. TTXVN dịch và đăng trên TLTKDB số 28/3/2005. Tr.8.
23. Tài liệu trên đã dẫn.